TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:79/2018/ HNGĐ-ST
Ngày 24/8/2018
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: bà Đặng Thị Ánh Bình

Các hội thẩm nhân dân:
1.Bà Nguyễn Thị Hồng Sen
2.Ông Lâm Hải Trung

-Thư ký phiên toà: bà Trần Mỹ Huyền, Thư ký Toà án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

-Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa: ông Phạm Thành Được- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 207/ 2018/ TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2018, về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/ 2018/ QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 07/8/2018, giữa các đưg sự:

Nguyên đơn: chị Huỳnh Phi D, sinh năm 1993
Địa chỉ: ấp 3, xã Long Tr, huyện Long M, tỉnh Hậu G

Bị đơn: anh Phạm Duy S, sinh năm 1983 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Thanh S, xã Thanh Đ, huyện Long H, tỉnh Vĩnh L

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đ khởi kiện xin ly hôn ngày 10 tháng 5 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đ chị Huỳnh Phi D trình bày:

Chị và anh Phạm Duy S quen biết nhau thời gian khoảng sáu tháng và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn ngày 31/10/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Đức, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi cưới vợ chồng thuê nhà trọ sinh sống ở Cần Thơ, hàng ngày chị làm công nhân may còn anh S làm thợ mộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng ba năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh S không lo làm ăn mà thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến vợ con, đánh số đề và thường xuyên vắng nhà, chị khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh S không sửa đổi. Đến cuối tháng 6 năm 2017 thì anh S bỏ mẹ con chị về nhà cha mẹ ruột ở Thanh Đức sinh sống cho đến nay, vợ chồng không bàn bạc để hàn gắn tình cảm. Từ tháng 6/2017 đến nay anh S không liên lạc với chị cũng không đến thăm con lần nào. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Con chung có một người tên Phạm Huỳnh Ngọc Như, sinh ngày 30/11/2014 chị đang nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có.

Qua hai lần hòa giải bị đơn anh Phạm Duy S đều vắng mặt.

Tại phiên tòa: nguyên đơn không cung cấp chứng cứ gì mới, vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và nuôi con.

Bị đơn anh Phạm Duy S vắng mặt phiên tòa lần thứ hai.

-Ý kiến của Kiểm sát viên:

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại các Điều 98,195, 196, 209, 210 và Điều 211của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đ đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đ không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử đối với bị đ là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

-Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Phi D. Cho chị D được ly hôn anh Phạm Duy S.

Về nuôi con chung: Giao cháu Phạm Huỳnh Ngọc Như, sinh ngày 30/11/2014 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng. Anh S được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh S thực hiện quyền này.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết

Án phí: buộc chị Huỳnh Phi D phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đưg sự được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Chị Huỳnh Phi D khởi kiện xin ly hôn anh Phạm Duy S, nơi cư trú: ấp Thanh S, xã Thanh Đ, huyện Long H, tỉnh Vĩnh L. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long H theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đ.

Về nội dung:

[1] Chị Huỳnh Phi D và anh Phạm Duy S tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân năm 2014, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thanh Đức, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 31/10/2014, hôn nhân của anh, chị được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị D, xét thấy:

Sau khi cưới chị D và anh S thuê nhà trọ sinh sống ở Cần Thơ, vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh S bỏ mẹ con chị D về nhà cha mẹ ruột ở từ tháng 6 năm 2017 đến nay, anh S không liên lạc cũng như không gặp chị D để bàn bạc

hàn gắn tình cảm vợ chồng mà dẫn đến mỗi người sống mỗi nơi, không còn quan tâm đến nhau. Tòa án triệu tập nhiều lần anh S cũng không đến. Tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định vợ chồng có nghĩa vụ thưg yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẽ thực hiện các công việc trong gia đình, anh S đã bỏ mặc chị D h một năm nay. Xét thấy mục đích hôn nhân giữa chị D và anh S không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D. Cho chị D được ly hôn anh S.

[3] Về nuôi con chung: có một người con tên Phạm Huỳnh Ngọc Như, sinh ngày 30/11/2014 chị D đang nuôi dưỡng. Xét yêu cầu nuôi con của chị D thấy rằng: Từ khi cháu Như sinh ra cho đến nay chị D là người chăm sóc nuôi dưỡng, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con nên chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị D. Giao cháu Như cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị D không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Tài sản chung và nợ chung chị D khai không có nên không đặt ra giải quyết.

[3]Về án phí: căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc chị D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, Điều 144, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các Điều 51, 53, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Phi D. Cho chị D được ly hôn anh Phạm Duy S.

2.Về nuôi con chung: Giao cháu Phạm Huỳnh Ngọc Như, sinh ngày 30/11/2014 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Anh S có quyền thăm và chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở.

Tài sản chung và nợ chung: chị D khai không có nên không đặt ra giải quyết.

2.Về án phí: buộc chị D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001525 ngày

10/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Chị D đã nộp xong án phí.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3.Quyền kháng cáo: nguyên đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đ vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-TANDT Vĩnh Long;
-VKSND cùng cấp;
-CC THADS cùng cấp;
-Các đưg sự;
-UBND xã nơi đăng ký kết hôn.
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Ánh Bình